



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO
DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400463362) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/05/2019.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 06/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 65/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DAE.

Vốn điều lệ: 14.986.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2019: 14.986.800.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 29,41%.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 78 Pasteur, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3886497 - Fax: (84) 0236.3887793
- Website: www.sachgiaoduc.com

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- In và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy, cho thuê văn phòng, quảng cáo thương mại;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 30/06/2019 là 25 người, trong đó, cán bộ quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

• Ông Tô Thanh Bình	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
• Bà Phạm Thị Thu Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/04/2018 Miễn nhiệm ngày 20/04/2019
• Ông Lý Xuân Hoàn	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019
• Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019
• Ông Nguyễn Thế Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019
• Bà Phạm Lê Bích Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
• Ông Phạm Nhiêu	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014 Miễn nhiệm ngày 20/04/2019

Ban Kiểm soát

• Ông Đặng Công Đức	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
• Bà Phạm Thị Thu Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014 Miễn nhiệm ngày 12/04/2018
• Bà Đặng Thị Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019
• Phan Thị Hàn Phong	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
• Ông Đặng Lê	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014 Miễn nhiệm ngày 20/04/2019

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Lý Xuân Hoàn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/04/2019
• Ông Phạm Nhiêu	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 07/05/2014 Miễn nhiệm ngày 20/04/2019
• Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019
• Ông Hồ Văn Lĩnh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019
• Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 20/04/2019

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

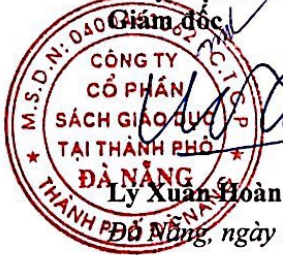
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2019



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 919/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 29/07/2018 của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Thu Hiền

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 08 năm 2019

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:
47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:
Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

Trang 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.773.142.726	29.963.747.039
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.615.007.953	2.214.497.992
1. Tiền	111		1.615.007.953	2.214.497.992
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.000.000.000	8.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	8.000.000.000	8.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.690.536.694	10.503.116.821
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	24.185.645.907	10.392.975.690
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	303.072.000	150.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	194.267.887	275.158.904
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(992.449.100)	(315.017.773)
IV. Hàng tồn kho	140	11	7.790.075.596	8.548.289.323
1. Hàng tồn kho	141		9.275.974.426	10.034.188.153
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.485.898.830)	(1.485.898.830)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		677.522.483	697.842.903
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	656.822.633	527.694.230
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	20.699.850	170.148.673
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.524.451.370	6.597.433.909
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.498.037.997	3.571.989.917
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.997.637.997	2.071.589.917
- Nguyên giá	222		5.649.084.372	5.649.084.372
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.651.446.375)	(3.577.494.455)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.500.400.000	1.500.400.000
- Nguyên giá	228		1.500.400.000	1.500.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.849.031.785	2.947.601.710
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	3.167.516.709	3.167.516.709
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(318.484.924)	(219.914.999)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		177.381.588	77.842.282
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	177.381.588	77.842.282
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		48.297.594.096	36.561.180.948

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.279.264.912	5.141.115.147
I. Nợ ngắn hạn	310		14.074.265.074	4.493.640.979
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16.a	5.256.430.874	1.329.826.821
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		79.050	99.258.035
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	580.531.653	142.617.686
4. Phải trả người lao động	314		1.917.298.046	524.489.742
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.787.522.620	852.326.714
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	3.968.300.615	701.431.375
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		564.102.216	843.690.606
II. Nợ dài hạn	330		204.999.838	647.474.168
1. Phải trả người bán dài hạn	331	16.b	192.999.838	635.474.168
2. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	12.000.000	12.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.018.329.184	31.420.065.801
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	34.018.329.184	31.420.065.801
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	14.986.800.000	14.986.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.986.800.000	14.986.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	2.859.726.199	2.859.726.199
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	20	2.249.326.070	2.090.895.376
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	13.922.476.915	11.482.644.226
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	20	11.482.644.226	10.329.008.475
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	20	2.439.832.689	1.153.635.751
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		48.297.594.096	36.561.180.948



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	37.730.511.762	32.449.883.256
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	472.781.807	847.888.856
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		37.257.729.955	31.601.994.400
4. Giá vốn hàng bán	11	23	26.373.679.145	21.874.786.625
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>10.884.050.810</u>	<u>9.727.207.775</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	385.525.359	247.783.324
7. Chi phí tài chính	22	25	310.940.515	213.477.187
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	2.520.526.500	2.255.161.192
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	4.505.529.701	3.683.218.311
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>3.932.579.453</u>	<u>3.823.134.409</u>
11. Thu nhập khác	31		-	2.376.364
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	<u>2.376.364</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>3.932.579.453</u>	<u>3.825.510.773</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	763.965.571	741.581.835
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>3.168.613.882</u>	<u>3.083.928.938</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.734	1.687
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	28	1.734	1.687



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	23.842.387.486	23.251.001.965
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(21.372.393.362)	(21.910.679.987)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.254.020.204)	(2.599.261.048)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05 17	(127.558.964)	(123.246.893)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	539.737.655	385.288.207
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.638.937.872)	(1.561.911.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.010.785.261)	(2.558.809.456)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.000.000.000)	(2.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	8.000.000.000	2.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27 24	411.295.222	250.419.447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	411.295.222	250.419.447
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(81.072.160)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(81.072.160)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(599.490.039)	(2.389.462.169)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 5	2.214.497.992	4.262.152.642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 5	1.615.007.953	1.872.690.473



Nguyễn Hoàn

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400463362) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/05/2019.

Vốn điều lệ: 14.986.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2019 của Công ty là 14.986.800.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 29,41% vốn điều lệ.

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- In và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy, cho thuê văn phòng, quảng cáo thương mại;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các Công ty nhận vốn đầu tư:

- Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục, tỷ lệ góp vốn 0,55%;
- Công ty CP Sách và TBTH Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ góp vốn 0,52%;
- Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam, tỷ lệ góp vốn 7,5%;
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng, tỷ lệ góp vốn 8,76%.
- Công ty CP Đầu tư xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam, tỷ lệ góp vốn 2%.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 (bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc vào ngày 30/06/2019)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được xác định như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản cố định là phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5 - 2

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty được phân bổ vào chi phí như sau:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí bán hàng phân bổ dài hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của hợp đồng căn cứ vào số lượng thực tế in và tỷ lệ thầu quy định.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với bán lịch block; 5% đối với các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền mặt	760.616	183.217.085
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.614.247.337	2.031.280.907
Cộng	1.615.007.953	2.214.497.992

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	-	8.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 12 tháng	8.000.000.000	-
Cộng	8.000.000.000	8.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	5.311.511.420	2.836.015.480
Nhà sách Yên Công	2.782.204.783	1.498.987.193
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	2.838.197.444	171.543.204
Công ty CP Quốc tế Việt Kim Long	500.000.147	1.117.347.099
Phòng Giáo dục tiểu học - Sở GD & ĐT TT.Huế	1.691.056.651	1.869.625.798
Các đối tượng khác	11.062.675.462	2.899.456.916
Cộng	<u>24.185.645.907</u>	<u>10.392.975.690</u>

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	5.311.511.420	2.836.015.480
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	918.741.781	789.978.271
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	2.838.197.444	171.543.204
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư	20.971.970	50.705.010
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	42.000.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	97.934.320	59.591.540
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	71.803.110	22.315.600
Cộng		<u>9.301.160.045</u>	<u>3.930.149.105</u>

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Nhà Máy In Bộ Quốc Phòng	303.072.000	-
Công ty CP in & Dịch vụ Thừa Thiên Huế	-	150.000.000
Cộng	<u>303.072.000</u>	<u>150.000.000</u>

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	119.989.041	-	145.758.904	-
Tạm ứng	19.900.000	-	129.400.000	-
Phải thu CBCNV	54.378.846	-	-	-
Cộng	<u>194.267.887</u>	<u>-</u>	<u>275.158.904</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2019	01/01/2019
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	992.449.100	315.017.773
- Từ 3 năm trở lên	284.968.627	284.968.627
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	42.581.910	30.049.146
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	664.898.563	-
Cộng	<u>992.449.100</u>	<u>315.017.773</u>

11. Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.649.806.131	-	3.338.367.414	-
Chi phí SX, KD dở dang	894.192.422	-	920.145.082	-
Thành phẩm	5.725.552.378	1.485.898.830	5.769.295.230	1.485.898.830
Hàng hóa	6.423.495	-	6.380.427	-
Cộng	<u>9.275.974.426</u>	<u>1.485.898.830</u>	<u>10.034.188.153</u>	<u>1.485.898.830</u>

Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 30/06/2019.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	24.839.394	23.387.879
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	502.390.351	502.390.351
Chi phí khác	129.592.888	1.916.000
Cộng	<u>656.822.633</u>	<u>527.694.230</u>

b. Dài hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí tổ chức bàn thảo	177.381.588	77.842.282
Cộng	<u>177.381.588</u>	<u>77.842.282</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	3.697.596.119	38.850.000	1.814.547.344	98.090.909	5.649.084.372
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	3.697.596.119	38.850.000	1.814.547.344	98.090.909	5.649.084.372
Khấu hao					
Số đầu kỳ	1.626.006.202	38.850.000	1.814.547.344	98.090.909	3.577.494.455
Khấu hao trong kỳ	73.951.920	-	-	-	73.951.920
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	1.699.958.122	38.850.000	1.814.547.344	98.090.909	3.651.446.375
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	2.071.589.917	-	-	-	2.071.589.917
Số cuối kỳ	1.997.637.997	-	-	-	1.997.637.997

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là 1.951.488.253 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài với nguyên giá 1.500.400.000 đồng của lô đất số 78 Pasteur, Thành phố Đà Nẵng. Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	30/06/2019		01/01/2019		Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
			Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng				
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác										
- Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục (ECI) (i)	Đang hoạt động	0,55%	10.294	118.937.709		142.057.200	118.937.709	-		192.497.800
- Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh (STC) (i)	Đang hoạt động	0,52%	29.300	456.275.000		498.100.000	456.275.000	-		503.960.000
- Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam (ii)	Đang hoạt động	7,50%	33.750	242.304.000			242.304.000	-		
- Công ty CP DV XB Giáo dục tại Đà Nẵng (ii)	Đang hoạt động	8,76%	35.000	350.000.000			350.000.000	-		
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam (ii)	Đang hoạt động	2,00%	200.000	2.000.000.000	318.484.924		2.000.000.000	219.914.999		
Cộng				3.167.516.709	318.484.924		3.167.516.709	219.914.999		

(i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu ECI và STC được xác định theo giá đóng cửa của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Các cổ phiếu còn lại chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Do đó Công ty không thể xác định được giá thị trường của các khoản đầu tư này. Về trích lập dự phòng:

- Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty CP In Phát hành sách & Thiết bị Trường học Quảng Nam có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn
- Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng lỗ nhưng vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

Do đó 02 khoản đầu tư nêu trên được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

- Dự phòng đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư xuất bản – TBGD Việt Nam được trích lập trên cơ sở Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	375.550.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	487.005.200	194.326.622
Công ty CP Sản xuất Thương mại Mê Kông	45.304.103	502.804.500
Công ty CP Bản Đồ & Tranh ảnh Giáo Dục	1.079.480.000	-
Công ty CP ĐT&PT trường Phổ thông Công Nghệ Giáo Dục	2.622.153.740	-
Các đối tượng khác	1.022.487.831	257.145.699
Cộng	5.256.430.874	1.329.826.821

b. Dài hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	192.999.838	635.474.168
Cộng	192.999.838	635.474.168

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	192.999.838	1.011.024.168
Công ty CP ĐT&PT Trường Phổ thông Công Nghệ Giáo Dục	Chung công ty đầu tư	2.622.153.740	-
Công ty CP Bản Đồ & Tranh ảnh Giáo Dục	Chung công ty đầu tư	1.079.480.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	487.005.200	194.326.622
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư	300.080.836	-
Các đối tượng khác	Chung công ty đầu tư	257.044.551	-
Cộng		4.938.764.165	1.205.350.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	42.615.461	29.535.445	66.887.831	-	5.263.075
Thuế thu nhập doanh nghiệp	61.708.848	-	763.965.571	127.558.964	-	574.697.759
Thuế thu nhập cá nhân (Vãng lai)	-	100.002.225	87.059.427	186.490.833	-	570.819
Thuế thu nhập cá nhân	108.439.825	-	170.368.445	82.628.470	20.699.850	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	170.148.673	142.617.686	1.053.928.888	466.566.098	20.699.850	580.531.653

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Trích trước chi phí bản thảo	1.787.522.620	852.326.714
Cộng	1.787.522.620	852.326.714

19. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Kinh phí công đoàn	21.152.322	3.361.388
Chi phí tổ chức bản thảo	2.481.966.340	570.761.000
Cổ tức phải trả	9.255	9.255
Chiết khấu thương mại	478.594.067	-
Chiết khấu thanh toán	103.745.390	-
Phải trả khác	882.833.241	127.299.732
Cộng	3.968.300.615	701.431.375

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền ký cược của các Nhà sách	12.000.000	12.000.000
Cộng	12.000.000	12.000.000

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2018	14.986.800.000	2.859.726.199	1.860.276.951	10.329.008.475
Tăng trong năm	-	-	230.618.425	4.612.368.507
Giảm trong năm	-	-	-	3.458.732.756
Số dư tại 31/12/2018	14.986.800.000	2.859.726.199	2.090.895.376	11.482.644.226
Số dư tại 01/01/2019	14.986.800.000	2.859.726.199	2.090.895.376	11.482.644.226
Tăng trong kỳ	-	-	158.430.694	3.168.613.882
Giảm trong kỳ	-	-	-	728.781.193
Số dư tại 30/06/2019	14.986.800.000	2.859.726.199	2.249.326.070	13.922.476.915

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2019	01/01/2019
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.407.610.000	4.407.610.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.579.190.000	10.579.190.000
Cộng	14.986.800.000	14.986.800.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.498.680	1.498.680
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	11.482.644.226	10.329.008.475
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	3.168.613.882	4.612.368.507
Phân phối lợi nhuận	728.781.193	3.458.732.756
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-
- Trả cổ tức cho các cổ đông	-	-
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này (*)	728.781.193	3.458.732.756
- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ (5%)	158.430.694	230.618.425
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành (5%)	158.430.694	230.618.425
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (13%)	411.919.805	599.607.906
- Trả cổ tức cho các cổ đông (16%)	-	2.397.888.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	13.922.476.915	11.482.644.226

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2018 và tạm phân phối lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-DAEBCO năm 2019 ngày 20/04/2019.

21. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

	30/06/2019	01/01/2019
Nợ khó đòi đã xử lý	107.291.300	107.291.300
+ Công ty In - Phát hành và Thiết bị Quảng Ngãi	107.291.300	107.291.300

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Doanh thu sách giáo khoa	3.003.159.033	967.557.781
Doanh thu sách bổ trợ	5.141.346.714	3.122.983.848
Doanh thu sách tham khảo	27.887.355.653	26.950.373.294
Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	1.698.650.362	1.408.968.333
Cộng	37.730.511.762	32.449.883.256

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Chiết khấu thương mại	454.828.287	475.912.752
Hàng bán bị trả lại	17.953.520	371.976.104
Cộng	472.781.807	847.888.856

24. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Giá vốn sách giáo khoa	2.830.511.435	893.643.095
Giá vốn sách bổ trợ	3.278.724.803	2.514.731.466
Giá vốn sách tham khảo	18.179.766.361	16.594.929.793
Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	1.509.814.048	1.253.081.699
Thuê giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ	574.862.498	618.400.572
Cộng	26.373.679.145	21.874.786.625

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	223.523.759	85.781.724
Cổ tức, lợi nhuận được chia	162.001.600	162.001.600
Cộng	385.525.359	247.783.324

26. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	98.569.925	79.828.809
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	212.370.590	133.648.378
Cộng	310.940.515	213.477.187

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tiền lương nhân viên bán hàng	1.946.626.830	1.680.724.740
Chi phí khấu hao	-	556.975
Chi phí vận chuyển sách	289.249.377	264.772.280
Chi phí thuê kho	190.909.090	190.909.090
Tuyên truyền, quảng cáo	93.741.203	118.198.107
Cộng	2.520.526.500	2.255.161.192

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tiền lương	1.592.694.678	1.379.683.878
Khấu hao TSCĐ	73.951.920	73.951.920
Sửa chữa thường xuyên, công cụ dụng cụ	100.542.209	155.705.107
Giao dịch, hội nghị, khánh tiết	659.834.858	525.995.961
Chi phí khác	1.401.074.709	1.514.832.299
Dự phòng phải thu khó đòi	677.431.327	33.049.146
Cộng	4.505.529.701	3.683.218.311

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.932.579.453	3.825.510.773
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(112.751.600)	(117.601.600)
- Điều chỉnh tăng	49.250.000	44.400.000
+ <i>Thu lao HĐTV không tham gia điều hành</i>	49.250.000	44.400.000
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	162.001.600	162.001.600
Tổng thu nhập chịu thuế	3.819.827.853	3.707.909.173
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	763.965.571	741.581.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.168.613.882	3.083.928.938
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(570.350.499)	(555.107.209)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành)	570.350.499	555.107.209
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.598.263.383	2.528.821.729
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.498.680	1.498.680
Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.734	1.687

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.559.597.888	4.968.579.018
Chi phí nhân công	3.862.678.985	3.383.515.953
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.951.920	74.508.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.923.460.778	8.768.999.127
Chi phí khác bằng tiền	584.748.420	647.828.399
Cộng	19.004.437.991	17.843.431.392

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm giáo dục và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá; rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, không có các khoản vay; hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Ngoài ra Công ty còn bán lẻ thu tiền ngay cho các phòng giáo dục và khách lẻ thông qua cửa hàng. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

30/06/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	5.256.430.874	192.999.838	5.449.430.712
Chi phí phải trả	1.787.522.620	-	1.787.522.620
Phải trả khác	3.947.148.293	12.000.000	3.959.148.293
Cộng	10.991.101.787	204.999.838	11.196.101.625

01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.329.826.821	635.474.168	1.965.300.989
Chi phí phải trả	852.326.714	-	852.326.714
Phải trả khác	698.069.987	12.000.000	710.069.987
Cộng	2.880.223.522	647.474.168	3.527.697.690

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30/06/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.615.007.953	-	1.615.007.953
Đầu tư tài chính	8.000.000.000	2.849.031.785	10.849.031.785
Phải thu khách hàng	23.193.196.807	-	23.193.196.807
Phải thu khác	119.989.041	-	119.989.041
Cộng	32.928.193.801	2.849.031.785	35.777.225.586
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.214.497.992	-	2.214.497.992
Đầu tư tài chính	8.000.000.000	2.947.601.710	10.947.601.710
Phải thu khách hàng	10.077.957.917	-	10.077.957.917
Phải thu khác	145.758.904	-	145.758.904
Cộng	20.438.214.813	2.947.601.710	23.385.816.523

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP.Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Trường PTCN Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP HTINVEST - Chi nhánh Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Phí QLБ,thuê kho	1.007.005.200	793.294.800
Công ty CP HTINVEST - Chi nhánh Đà Nẵng	In gia công	256.348.265	201.173.262
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	In gia công	612.794.597	1.095.043.264
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Tổ chức bản thảo	1.226.537.700	1.145.923.350
Công ty CP Bàn đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Tập bản đồ, Atlas	1.579.480.000	1.358.892.800
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	1.365.304.980	1.395.993.980
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Mua sách tham khảo	3.764.242.600	4.324.693.520
Công ty CP ĐТ & PT Giáo dục tại Hà Nội	Mua sách tham khảo	15.519.900	206.718.156
Công ty CP ĐТ & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua Sách giáo khoa	1.992.118.766	1.105.340.580
Công ty CP ĐТ&PT Trường PTCN Giáo dục	Sách CNGD	3.680.745.000	1.700.334.675
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Mua Sách giáo khoa	483.836.876	446.268.438
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Cung ứng sách	-	61.000.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	1.594.576.890	2.075.091.980
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Cung ứng sách	7.039.738.540	7.239.184.790
Công ty CP ĐТ & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	5.358.773.006	3.415.710.195
Công ty CP ĐТ & PT Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách	65.007.410	533.470.686
Công ty CP Sách & TBGD Bình Dương	Cung ứng sách	106.548.560	23.629.880
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách	63.756.040	70.575.180
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách	195.016.320	104.825.800
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Cung ứng sách	65.290.680	82.957.760
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách	1.418.012.030	1.331.174.945
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Cung ứng sách	297.792.730	358.809.190

c. Các giao dịch khác

		6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Hội đồng quản trị	Thù lao	110.000.000	84.800.000
Ban Giám đốc	Thu nhập	536.438.550	589.074.200

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Lý Xuân Hoàn

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 07 năm 2019

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình